

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày: 17-3-2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay T sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA T, TỈNH TÂY NINH**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Q.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Quan L.**

2. Ông **Phạm Văn T.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **L Sử Ngọc Q** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thúy V** - Kiểm sát Viên.

Trong hai ngày 11/3/2020 và ngày 17/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 380/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về Việc tranh chấp “Hợp đồng vay T sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: 206/11, ấp Long T, xã Long T T, huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh (Nay là khu phố Long T, phường Long T T, thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Long T, xã Long T T, huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh (Nay là khu phố Long T, phường Long T T, thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh).

- Bị đơn: Bà **Võ Thị Thu T** (tên thường gọi là Phương), sinh năm 1959 và ông **Dương Văn M**, sinh năm 1955 (bà T vắng mặt, ông M có mặt).

Địa chỉ: Ô4/6, tổ 29, đường Nguyễn Lương Bằng, ấp Trường L, xã Trường Đ, huyện Hòa T (Nay là thị xã Hòa T), tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị Kim L** trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên vợ chồng bà T có mua của chị L 03 dây hụi do chị L làm chủ thảo, cụ thể các dây hụi như sau:

+ Dây 1: hụi 1.000.000 đồng/tháng khui một lần, hụi khui vào ngày 19/10/2012 âm lịch và kết thúc ngày 12/10/2014 âm lịch; hụi gồm 25 phần, vợ chồng bà T mua (đăng ngoài) 03 phần. Ngày 24/10/2012 âm lịch, chị L đã đăng ngoài cho vợ chồng bà T 03 phần số tiền 41.700.000 đồng. Khi đăng tiền hụi có làm biên nhận nợ do chị L Vết và bà T ký tên. Sau khi đăng hụi cho vợ chồng bà T thì vợ chồng bà T có trả tiền hụi cho chị L được 06 lần x 03 phần x 1.000.000 đồng/phần = 18.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 19 lần x 03 phần x 1.000.000 đồng/phần = 57.000.000 đồng.

+ Dây 2: hụi 2.000.000 đồng/tháng khui một lần, hụi khui vào ngày 07/3/2013 âm lịch và kết thúc ngày 07/4/2017 âm lịch; hụi gồm 50 phần, vợ chồng bà T mua (đăng ngoài) 01 phần. Ngày 07/3/2013 âm lịch, chị L đã đăng ngoài cho vợ chồng bà T số tiền 57.800.000 đồng. Khi đăng tiền hụi có làm biên nhận nợ do chị L Vết và bà T ký tên. Sau khi đăng hụi cho vợ chồng bà T thì vợ chồng bà T chưa đóng lại được số tiền nào, hiện còn nợ lại 49 lần x 2.000.000 đồng/phần = 98.000.000 đồng.

+ Dây 3: hụi 2.000.000 đồng/tháng khui một lần, hụi khui vào ngày 14/3/2013 âm lịch và kết thúc ngày 14/4/2017 âm lịch; hụi gồm 50 phần, vợ chồng bà T mua (đăng ngoài) 01 phần. Ngày 14/3/2013 âm lịch, chị L đã đăng ngoài cho vợ chồng bà T số tiền 57.800.000 đồng. Khi đăng tiền hụi có làm biên nhận nợ do chị L Vết và bà T ký tên chung với biên nhận nợ dây hụi thứ hai. Sau khi đăng hụi cho vợ chồng bà T thì vợ chồng bà T chưa đóng lại được số tiền nào, hiện còn nợ lại 49 lần x 2.000.000 đồng/phần = 98.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 18/02/2013 âm lịch, chị L có cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng. Khi vay tiền, hai bên có làm giấy nhận nợ do chị L Vết và bà T ký tên, hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, thỏa thuận 01 tháng sau sẽ hoàn trả gốc và lãi. Từ ngày vay số tiền này đến nay, bà T vẫn chưa trả cho chị L tiền vốn và lãi.

Như vậy, tổng cộng vợ chồng bà T còn nợ lại chị L số tiền hụi và tiền vay là 267.500.000 đồng. Nay chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị L yêu cầu vợ chồng bà T trả lại cho chị L số tiền hụi mà chị L đã đăng 03 dây hụi cho vợ chồng bà T là 157.300.000 đồng và tiền vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 187.300.000 đồng. Chị L đồng ý trừ ra số tiền ông M đã trả 15.500.000 đồng. Nay chị L yêu cầu vợ chồng bà T, ông M cùng có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền còn nợ là 171.800.000 (Một trăm bảy mươi một triệu tám trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị L không yêu cầu tính lãi.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Dương Văn M trình bày:

Do hai bên trước đây là chòm xóm với nhau nên vợ của ông M là bà T có tham gia chơi 02 dây hụi do chị L làm chủ thảo bao gồm:

+ Dây hụi 1: hụi 1.000.000 đồng/tháng khui 01 lần, hụi khui thời gian nào không nhớ, hụi hốt đã lâu không nhớ.

+ Dây hụi 2: hụi 1.000.000 đồng/tháng khui 01 lần, hụi khui thời gian nào không nhớ, hụi hốt đã lâu không nhớ.

Tổng cộng hai dây hui này vợ chồng ông M không nhớ chính xác còn nợ chị L bao nhiêu tiền nhưng do không có khả năng đóng hai dây hui này nên vào khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2013 vợ chồng ông M có Vết giấy nợ mới còn nợ chị L 30.000.000 đồng, hiện giấy nợ này chị L đang giữ nhưng chị L không cung cấp cho Tòa án.

Đối với 03 dây hui và tiền vay 30.000.000 đồng mà chị L khởi kiện vợ chồng ông M trong vụ kiện này thì hoàn toàn không có vì vợ chồng ông không có tham gia 03 dây hui mà chị L khởi kiện và vợ chồng ông cũng không có vay 30.000.000 đồng như chị L trình bày trong vụ án này.

Nay ra Tòa, vợ chồng ông chỉ đồng ý còn nợ chị L 30.000.000 đồng mà vợ chồng ông đã Vết giấy nợ giao cho chị L giữ vào khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2013 (chị L đang giữ giấy nợ, không cung cấp cho Tòa án), ngoài ra vợ chồng ông không có nợ chị L bất kỳ khoản tiền vay nào. Sau khi Vết giấy nợ 30.000.000 đồng này thì từ khoảng thời gian ngày 10/7/2017 đến ngày 16/5/2019, vợ chồng ông có trả cho chị L được số tiền 15.500.000 đồng. Nay vợ chồng ông chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền còn lại 14.500.000 (Mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Võ Thị Thu T trình bày:

Bà T thống nhất lời trình bày của chồng bà là ông Dương Văn M, vợ chồng bà không có tham gia 03 dây hui mà chị L khởi kiện và vợ chồng bà cũng không có vay 30.000.000 đồng như chị L khởi kiện trong vụ án này. Tuy nhiên, bà T thừa nhận giấy đăng hui ngày 24/10/2012 âm lịch số tiền 41.700.000 đồng; giấy đăng hui ngày 07/3/2013 âm lịch số tiền 57.800.000 đồng; giấy đăng hui ngày 14/3/2013 âm lịch số tiền 57.800.000 đồng và giấy nợ ngày 18/02/2013 âm lịch số tiền 30.000.000 đồng là chữ ký của bà nhưng bà T không nhớ lý do vì sao bà ký tên và ghi họ tên của bà trong các giấy tờ này.

Nay ra Tòa, vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền còn nợ 14.500.000 (Mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa, thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thị xã Hòa T đưa vụ án ra xét xử còn V phạm về thời hạn xét xử cần khắc phục.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến về Việc giải quyết vụ án: Ngày 19/10/2012 âm lịch, bà T có tham gia dây hui 1.000.000 đồng/tháng khai một lần do chị L làm chủ thảo, ngày 24/10/2012 âm lịch, chị L đã đăng ngoài cho bà T 03 phần số tiền 41.700.000 đồng, khi đăng tiền hui có làm biên nhận nợ do bà T ký tên. Ngày

07/3/2013 âm lịch, bà T có tham gia dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khui một lần cho chị L làm chủ thảo, ngày 07/3/2013 âm lịch, chị L đã đăng ngoài cho bà T 01 phần số tiền 57.800.000 đồng, khi đăng tiền hụi có làm biên nhận nợ do bà T ký tên. Ngày 14/3/2013 âm lịch, bà T có tham gia dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khui một lần cho chị L làm chủ thảo, ngày 14/3/2013 âm lịch, chị L đã đăng ngoài cho bà T 01 phần số tiền 57.800.000 đồng, khi đăng tiền hụi có làm biên nhận nợ do bà T ký tên. Ngày 18/02/2013 âm lịch, chị L cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng (bao gồm tiền gốc 29.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng), Vệc vay tiền có làm biên nhận do bà T ký tên.

Đối với lời trình bày của vợ chồng ông M không có tham gia 03 dây hụi này và không có vay 30.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 18/02/2013 âm lịch thấy rằng: Chị L đã cung cấp cho Tòa án 02 giấy đăng hụi của 03 dây hụi bà T đã nhận số tiền 157.300.000 đồng và 01 giấy nhận nợ bà T đã nhận số tiền 30.000.000 đồng đều do bà T ký tên, bà T và ông M đã không cung cấp được chứng cứ chứng M cho Vệc đã trả 187.300.000 đồng mà ông M chỉ chứng M đã trả cho chị L được số tiền 15.500.000 đồng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L yêu cầu bà T, ông M trả số tiền vay và tiền hụi còn nợ 171.800.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật.

Do đó, căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự. Buộc bị đơn là bà T, ông M có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 171.800.000 đồng, ghi nhận chị L không yêu cầu bà T, ông M pH trả tiền lãi.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Bà Võ Thị Thu T và ông Dương Văn M là bị đơn có nơi cư trú tại nhà số Ô4/6, tổ 29, đường Nguyễn Lương Bằng, ấp Trường L, xã Trường Đ, huyện Hòa T (nay là thị xã Hòa T), tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, bị đơn là bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà T là đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Vợ chồng bà T, ông M có tham gia của chị L 03 dây hụi gồm hụi 1.000.000 đồng/tháng khui ngày 19/10/2012 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/tháng khui ngày 07/3/2013 âm lịch và hụi 2.000.000 đồng/tháng khui ngày 14/3/2013 âm lịch, ngoài ra vào ngày 18/02/2013 âm lịch, chị L còn cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng. Khi đăng hụi và vay tiền đều có làm biên nhận nợ do bà T ký tên. Tuy nhiên ông M trình bày vợ chồng ông không có tham gia 03 dây hụi và không có vay số tiền 30.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 18/02/2013 mà ông M cho rằng vợ chồng ông chỉ tham gia 02 dây hụi 1.000.000 đồng không nhớ

khui thời gian nào (02 dây hui này không nằm trong 03 dây hui mà chị L khởi kiện) và ông M cho rằng không có vay 30.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 18/02/2013. Do không có khả năng trả nợ 02 dây hui 1.000.000 đồng này nên vợ chồng ông có Vết giấy nhận nợ 30.000.000 đồng vào khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2013 (giấy này khác với giấy nợ mà chị L khởi kiện) nên hai bên phát sinh tranh chấp. Mặc dù các bên thừa nhận có tham gia hui nhưng hui này không có hui Vên, không có danh sách hui Vên và hàng tháng không có khai hui nên đây được xem là hợp đồng vay T sản nhưng trả lãi theo lãi hui nên xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay T sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán thấy rằng: Chị L đã cung cấp cho Tòa án giấy đăng hui ngày 24/10/2012 âm lịch bà T đã nhận số tiền 41.700.000 đồng, giấy đăng hui ngày 07/3/2013 âm lịch bà T đã nhận số tiền 57.800.000 đồng; giấy đăng hui ngày 14/3/2013 âm lịch, bà T đã nhận số tiền 57.800.000 đồng và giấy nợ ngày 18/02/2013 âm lịch, bà T đã nhận số tiền 30.000.000 đồng (bao gồm tiền gốc 29.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng), tất cả các giấy đăng hui và giấy nợ bà T đều ký tên và ghi đầy đủ họ tên. Đối với lời trình bày của bà T, ông M trình bày không có tham gia 03 dây hui này và không có vay 30.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 18/02/2013 âm lịch mà chỉ thừa nhận có tham gia 02 dây hui 1.000.000 đồng không nhớ khai thời gian nào (02 dây hui này không nằm trong 03 dây hui mà chị L khởi kiện) và bà T, ông M cho rằng không có vay 30.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 18/02/2013. Xét thấy, bà T đã thừa nhận giấy đăng hui ngày 24/10/2012 âm lịch; giấy đăng hui ngày 07/3/2013 âm lịch; giấy đăng hui ngày 14/3/2013 âm lịch và giấy nợ ngày 18/02/2013 là chữ ký của bà T nhưng bà T, ông M không cung cấp được chứng cứ chứng M cho Vệc đã trả 187.300.000 đồng, bà T và ông M chỉ chứng M đã trả cho chị L được số tiền 15.500.000 đồng. Mặt khác, bà T trình bày mục đích tham gia hui để kinh doanh quán cà phê phục vụ lợi ích trong gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L yêu cầu bà T, ông M trả số tiền vay còn nợ 171.800.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật. Chị L không yêu cầu vợ chồng bà T, ông M trả lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Bà T, ông M là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi nên bà T, ông M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L đối với bà Võ Thị Thu T, ông Dương Văn M yêu cầu trả số tiền vay còn nợ.

Buộc bà Võ Thị Thu T, ông Dương Văn M có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 171.800.000 (Một trăm bảy mươi một triệu tám trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị L không yêu cầu bà T, ông M pH trả tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T, ông M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí. Hoàn trả cho chị L 6.687.500 (Sáu triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013870 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa T, tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CC.THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.